

THI PHÁP HỌC THỜI KÌ ĐỔI MỚI: TỪ LÍ THUYẾT ĐẾN ỨNG DỤNG

Nguyễn Văn Tùng
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Tóm tắt. Thi pháp học là một ngành nghiên cứu văn học có nhiều điểm ưu việt, đã từng phát triển ở nhiều nước trên thế giới từ đầu thế kỉ XX. Tuy nhiên, ở Việt Nam đến thời kì Đổi mới, thi pháp học mới được phát triển. Nhiều công trình nghiên cứu tiếp thu tinh hoa và phát triển lí thuyết thi pháp học đã ra đời. Những tác giả có công đầu trong việc phát triển thi pháp học phải kể đến Phan Ngọc, Nguyễn Phan Cảnh, Nguyễn Tài Cẩn, Hoàng Trinh, Đỗ Đức Hiểu, Trần Đình Sử, Lê Nguyên, Đỗ Lai Thúy... Cùng với các công trình lí thuyết, rất nhiều công trình ứng dụng thành công lí thuyết thi pháp học vào việc giải quyết các hiện tượng văn học cụ thể. Thi pháp học đã trở thành một hướng nghiên cứu nổi bật trong đời sống văn học thời kì Đổi mới ở Việt Nam.

Từ khóa: Thi pháp học, thời kì Đổi mới, lí thuyết thi pháp, ứng dụng thi pháp học, ngành nghiên cứu.

1. Mở đầu

Về cách hiểu thuật ngữ thi pháp học

Thi pháp học là ngành nghiên cứu văn học, lấy đối tượng nghiên cứu cơ bản là thể loại, ngôn ngữ, kết cấu, nhân vật, cốt truyện và những yếu tố, phương thức biểu đạt của tác phẩm văn học nói chung. Những yếu tố hình thức tác phẩm được quan tâm nghiên cứu là những yếu tố hình thức mang tính nội dung, mang tính quan niệm, tính hệ thống. Thi pháp học ở đây được hiểu là một phương pháp tiếp cận của người nghiên cứu, phê bình với thực thể văn học - phương pháp nghiên cứu, phê bình lấy đối tượng nghiên cứu là hình thức nghệ thuật của tác phẩm. Đó là hình thức mang tính nội dung và mang tính quan niệm, tư tưởng. Thi pháp học vì thế là một ngành nghiên cứu có thể mang đến kết quả thể hiện bản chất nghệ thuật của tác phẩm văn học.

Tuy nhiên, vị trí vai trò và sự phát triển của thi pháp học mỗi một thời kì một khác bởi phụ thuộc vào nhiều yếu tố văn hoá xã hội.

Thi pháp học ở Việt Nam trước thời Đổi mới

Thi pháp học đã có từ lâu trong đời sống văn học Việt Nam, mỗi thời kì được biểu hiện ở một mức độ. Thời văn học trung đại, thi pháp học phát triển ở dạng sơ khai ở dạng những ý kiến, suy nghĩ lẻ tẻ về hình thức nghệ thuật của tác phẩm văn học nằm đây đó trong các bài tựa sách của một số nhà văn nhà thơ như Nguyễn Bình Khiêm, Phùng Khắc Khoan, Phan Huy Chú, Phạm Nguyễn Du, Nguyễn Văn Siêu, Ngô Thì Nhậm, Nguyễn Công Trứ.

Đến đầu thế kỉ XX, cùng với quá trình hiện đại hoá văn học, thi pháp học cũng phát triển lên một trình độ mới, thể hiện tập trung và rõ nhất trong các công trình biên khảo như *Hán Việt văn khảo* của Phan Kế Bính, *Quốc văn cụ thể* của Bùi Kỷ, *Việt Nam văn học sử yếu* của Dương Quảng Hàm... Tuy nhiên, vấn đề hình thức nghệ thuật của tác phẩm trong những công trình này chưa được nâng lên thành lí luận, mới là những lời bàn về hình thức, những tiêu chí sắp xếp lựa chọn tác phẩm trong các công trình tuyển chọn, biên khảo, phê bình văn học.

Khoảng từ những năm 20 đến những năm 40 của thế kỉ XX bắt đầu xuất hiện các công trình nghiên cứu về thể loại mang tầm lí luận của thi pháp học. Đó là một loạt các công trình bàn về nghệ thuật thể loại tiểu thuyết: *Bàn về tiểu thuyết* (1921) của Phạm Quỳnh, *Theo giòng* (1939 - 1940) của Thạch Lam, *Khảo về tiểu thuyết* (1940 - 1941) của Vũ Bằng, *Nhà văn hiện đại* (1942) của Vũ Ngọc Phan. Các công trình này tiếp thu tư tưởng văn học phương Tây, bàn khá sâu về nghệ thuật tiểu thuyết. Có những vấn đề hình thức nghệ thuật tiểu thuyết được đặt ra ở thời đó cho đến ngày nay vẫn còn mang tính thời sự.

Khoảng giữa thế kỉ XX đến 1975, thi pháp học được phát triển khác nhau ở hai miền Nam Bắc. Ở miền Nam, những công trình bàn về nghệ thuật thể loại thơ và tiểu thuyết đều phát triển. Về thơ có *Thi pháp* (1958 - 1960) và *Phép làm thơ* (1963) của Diên Hương, *Tìm hiểu thơ tự do* (1956) của nhiều tác giả, *Nguyên tắc sáng tác thơ ca* (1959) của Vũ Văn Thanh, *Luật thơ mới* (1961) của Minh Huy, *Thi ca và tư tưởng* (1969) của Bùi Giáng, *Từ thơ Mới đến thơ tự do* (1969) của Bằng Giang... Về tiểu thuyết có *Viết và đọc tiểu thuyết* (viết xong 1960, in 1969) của Nhất Linh, *Xây dựng tác phẩm tiểu thuyết* (1972) của Nguyễn Văn Trung, *Văn học và tiểu thuyết* (1972) của Doãn Quốc Sỹ. Ngoài ra còn nhiều công trình, bài viết bàn về hình thức ngôn ngữ, tính kí hiệu, cấu trúc của tác phẩm văn học.

Ở miền Bắc thời kì này việc nghiên cứu phê bình văn học thường đặt trong mối quan hệ với hiện thực xã hội được tác phẩm phản ánh, nên nhìn chung hình thức nghệ thuật của tác phẩm ít được đề cập. Cho dù vậy, hình thức nghệ thuật vẫn được quan tâm trong những công trình như: *Nguyên lí văn học* (1959) của Nguyễn Lương Ngọc; *Cơ sở lí luận văn học*, tập III (1970) của Trần Văn Bính, Nguyễn Xuân Nam, Hà Minh Đức; *Công việc của người viết tiểu thuyết* (1964) của Nguyễn Đình Thi; *Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại* (hai tập: 1974, 1975) của Phan Cự Đệ; *Thơ ca Việt Nam hình thức và thể loại* (1971) của Bùi Văn Nguyên và Hà Minh Đức, bài viết *Thể lục bát từ ca dao đến Truyện Kiều* (1974) của Nguyễn Văn Hoàn.

Đó là chưa kể đến những công trình, bài viết mang tính thi pháp học của tác giả nước ngoài được dịch và giới thiệu vào Việt Nam trong giai đoạn này.

Khoảng những năm từ sau 1975 đến trước *Đổi mới* (1986), thi pháp học biến chuyển kịp theo nhu cầu đổi mới nền văn học. Có thể kể đến những công trình *Tục ngữ Việt Nam, cấu trúc và thi pháp* (1977) của Nguyễn Thái Hoà, *Về việc nghiên cứu thi pháp văn học dân gian* (1981) của Chu Xuân Diên, *Kí hiệu - nghĩa và phê bình văn học* (1979), *Thơ và hình thức thơ* (1983) của Hoàng Trinh... Đây cũng là giai đoạn các nhà nghiên cứu thai nghén nhiều công trình nghiên cứu về thi pháp học và sẽ công bố vào thời kì *Đổi mới* từ 1986 trở về sau.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Những thành tựu nghiên cứu lí thuyết và ứng dụng thi pháp học trong nghiên cứu văn học thời kì *Đổi mới*

2.1.1. Như thế, từ lâu thi pháp học đã trở thành một mạch chảy trong đời sống nghiên cứu phê bình văn học Việt Nam. Tuy nhiên, mỗi thời kì do tác động của các điều kiện chính trị, kinh

tế, văn hoá xã hội mà thi pháp học phát triển ở một mức độ khác nhau, từ đó dẫn đến sự ảnh hưởng khác nhau với nghiên cứu phê bình văn học.

Qua sự khảo sát ở phần trên, có thể nhận thấy giai đoạn văn học trước thời kì Đổi mới, thi pháp học ở ta chưa phát triển. Lí do là thời kì này văn học chủ yếu được nhìn nhận trong mối quan hệ với hiện thực đời sống. Việc sáng tác và nghiên cứu phê bình văn học luôn được đánh giá bởi tiêu chí phản ánh hiện thực. Việc nghiên cứu văn học mới chủ yếu quan tâm đến yếu tố nội dung, tính tư tưởng. Yếu tố hình thức nghệ thuật của tác phẩm văn học, việc tổ chức của các yếu tố nghệ thuật trong một tác phẩm chưa được quan tâm thỏa đáng. Hình thức nghệ thuật chưa được đặt trong tính hệ thống, tính chỉnh thể. Khái niệm thể giới nghệ thuật, tính chỉnh thể của thể giới nghệ thuật chưa tồn tại trong ý thức của hầu hết các nhà nghiên cứu.

Bước sang thời kì Đổi mới (từ 1986), với tư tưởng cởi mở, nền văn học được tiếp thu tinh hoa thuộc nhiều nền văn học trên thế giới, thi pháp học cùng với nhiều lí thuyết văn học khác đã có điều kiện thuận lợi để phát triển. Điều đặc biệt là so với các lí thuyết cùng phát triển như phân tâm học, chủ nghĩa hiện sinh, chủ nghĩa hậu thực dân, nữ quyền luận... thi pháp học là một lí thuyết được nghiên cứu, ứng dụng nhiều nhất, phát huy hiệu quả cao nhất trong đời sống văn học.

Về lí thuyết, một mặt thi pháp học kế thừa những kết quả đã có trong nền văn học của các thời kì trước. Đó là những gì mà các thế hệ như Thạch Lam, Vũ Bằng, Nhất Linh, Nguyễn Lương Ngọc, Phan Cự Đệ, Hà Minh Đức, Đỗ Đức Hiểu, Hoàng Trinh... đã tạo dựng. Mặt khác, thi pháp học tiếp thu những thành tựu nghiên cứu mới của thi pháp học theo trường phái thi pháp học Nga, Phê bình mới Anh Mỹ, Chủ nghĩa cấu trúc, Giải cấu trúc, Lí thuyết diễn ngôn, Phong cách học, Tự sự học, Kí hiệu học... Và chính sự tiếp thu một cách đa dạng các hình thái khác nhau này mà thi pháp học ở Việt Nam thời kì Đổi mới đã có được một diện mạo hết sức phong phú, rực rỡ.

Thi pháp học đã khắc phục những điểm hạn chế của việc nghiên cứu văn học theo hướng xã hội học, đặc biệt quan tâm đến hình thức nghệ thuật của tác phẩm. Đó không phải là hình thức đơn lẻ, tách biệt, bị cắt vụn mà đó là hình thức mang tính chỉnh thể, đặt trong tính hệ thống. Đó cũng không phải là hình thức thuần túy mà đó là hình thức mang tính nội dung, hình thức mang tính quan niệm. Qua đó, người nghiên cứu có thể đánh giá được tính độc đáo, sáng tạo của tác phẩm văn học.

2.1.2. Lí thuyết thi pháp học thuộc các trường phái kí hiệu học, chủ nghĩa cấu trúc, phê bình mới Anh Mĩ, thi pháp học Nga được các nhà nghiên cứu như Phan Ngọc, Nguyễn Phan Cảnh, Nguyễn Tài Căn, Hoàng Trinh, Đỗ Đức Hiểu, Trần Đình Sử, Lã Nguyên, Đỗ Lai Thuý... tích cực nghiên cứu và giới thiệu vào Việt Nam trong thời kì Đổi mới. Đây là những nhà nghiên cứu được coi là những người tiên phong mở đường cho thi pháp học ở Việt Nam.

Theo hướng thi pháp học cấu trúc, Phan Ngọc nghiên cứu thi pháp học từ góc độ phong cách học. Ông xây dựng các khái niệm của phong cách học, tìm ra những nét sáng tạo độc đáo của nhà văn trong tác phẩm và xem xét những điểm độc đáo đó trong mối quan hệ với lịch sử và thời đại. Là người nghiên cứu về thi pháp học ở Việt Nam khá sớm, ngay trước thềm của thời Đổi mới, Phan Ngọc đã công bố một công trình nghiên cứu về *Truyện Kiều* tạo được sự chú ý của giới nghiên cứu, công trình *Tìm hiểu phong cách của Nguyễn Du trong Truyện Kiều* (1985). Đây là một công trình thú vị bởi mang đến cho độc giả những cái nhìn mới mẻ về giá trị của *Truyện Kiều* bằng phong cách học. Trong thời kì Đổi mới, Phan Ngọc tiếp tục công bố những nghiên cứu về thơ Đường, về ngôn ngữ trong văn học: *Đỗ Phủ, nhà thơ dân đen* (1990), *Cách giải thích văn học bằng ngôn ngữ học* (1995),... Theo đánh giá của các nhà nghiên cứu, chuyên ngành phong cách học mà Phan Ngọc theo đuổi vẫn chưa thực sự có một nền tảng lí luận vững chắc, tuy nhiên những kết quả mà Phan Ngọc trình bày trong các công trình nghiên cứu của mình rất có sức thuyết phục.

Cũng theo hướng thi pháp học cấu trúc, Nguyễn Phan Cảnh là một trong những người có những nghiên cứu khá sớm về thi pháp học. Công trình *Ngôn ngữ thơ* (1985) của ông tuy công bố trước thời điểm Đổi mới một năm, nhưng là một công trình rất đáng ghi nhận góp phần tạo nên sự phát triển của thi pháp học thời kì Đổi mới.

Xuất phát từ góc nhìn của một nhà ngôn ngữ học, Nguyễn Tài Cẩn đã có những nghiên cứu quan trọng về thi pháp thơ chữ Hán trung đại Việt Nam. Hai công trình nghiên cứu của ông: *Tìm hiểu kĩ xảo hồi văn liên hoàn trong bài “Vũ trung sơn thủy” của Thiệu Trị* và *Ảnh hưởng Hán văn Lí Trần qua thơ và ngôn ngữ thơ Nguyễn Trung Ngạn* được công bố năm 1998 đã có những đóng góp vào việc giải mã những tác giả và tác phẩm văn học Việt Nam trung đại. Cuốn *Tìm hiểu kĩ xảo hồi văn liên hoàn trong bài “Vũ trung sơn thủy”* của Thiệu Trị khảo sát nghiên cứu tìm cách đọc bài thơ theo kết cấu liên hoàn viết theo hình thức bát quái, một hình thức độc đáo của thơ trung đại. Còn ở cuốn *Ảnh hưởng Hán văn Lí Trần qua thơ và ngôn ngữ thơ Nguyễn Trung Ngạn*, Nguyễn Tài Cẩn đã có những nghiên cứu thú vị về câu thơ lục ngôn của Nguyễn Trung Ngạn. Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Tài Cẩn qua công trình này đã tạo cơ sở cho việc nghiên cứu thơ chữ Hán trung đại Việt Nam.

Nhà nghiên cứu Hoàng Trinh ban đầu phê phán thi pháp học, tuy nhiên sau đó ông đã trở thành người nhiệt tình nghiên cứu về thi pháp học. Từ cuối những năm 70 ông đã công bố công trình nghiên cứu về thi pháp học. Đến thời kì Đổi mới, những công trình nghiên cứu về thi pháp học của ông nhiều hơn, cả nghiên cứu lí thuyết thi pháp từ các học giả phương Tây và ứng dụng thi pháp vào nghiên cứu thực tiễn văn học Việt Nam. Hoàng Trinh chủ yếu vận dụng lí thuyết kí hiệu học văn học của Saussure, R. Jakobson, Tz. Todorov vào việc nghiên cứu ngôn ngữ thơ ca, ca dao, tục ngữ. Bên cạnh đó ông cũng giới thiệu thi pháp học của Bakhtin. Các công trình về thi pháp học của Hoàng Trinh thời kì này có thể kể tới *Thi pháp học và thế giới vi mô* (1991), *Thi pháp của Đới-tôi-i-ep-ski dưới con mắt của Mi-khai Ba-khơ-tin* (1991), *Từ kí hiệu học đến thi pháp học* (1992), *A.S. Pushkin dưới con mắt của R. Jakobson* (2001).

Đỗ Đức Hiểu bắt đầu nghiên cứu về thi pháp học từ giữa những năm 80, ông chủ yếu nghiên cứu tính văn học của ngôn từ văn học, nghiên cứu thi pháp học các thể loại: thơ, văn xuôi, kịch. Là người nghiên cứu về văn học phương Tây, Đỗ Đức Hiểu có những thuận lợi trong việc tiếp thu tư tưởng thi pháp học phương Tây. Lí thuyết về thi pháp học của Đỗ Đức Hiểu cho dù còn ở mức độ chưa thật hệ thống, tuy nhiên sự vận dụng thi pháp học của ông vào việc giải quyết những hiện tượng văn học cụ thể lại rất ấn tượng khi nghiên cứu về Hồ Xuân Hương, Vũ Trọng Phụng... Đỗ Đức Hiểu quan tâm nhiều đến các tác phẩm có ngôn từ sáng tạo độc đáo, sử dụng nhiều các biện pháp tu từ,... Về các công trình về thi pháp học của Đỗ Đức Hiểu có thể nhắc đến: *Một số vấn đề thi pháp học* (1992), *Thi pháp học là gì?* (1992), *Thi pháp học. Thi pháp thơ* (1992), *Về Bakhtin* (1992), *Đổi mới phê bình văn học* (1993), *Đổi mới đọc và bình văn* (1998), *Mấy điều về kịch và thi pháp kịch* (1998), *Thi pháp học hiện đại* (2000).

Trần Đình Sử là nhà nghiên cứu có nhiều đóng góp cho sự phát triển của thi pháp học ở Việt Nam thời kì Đổi mới. Ông dịch, giới thiệu nhiều công trình nghiên cứu thi pháp học ở nước ngoài vào Việt Nam. Dày công nghiên cứu thi pháp học Nga, Trần Đình Sử tiếp thu và đề xuất một hệ thống lí thuyết thi pháp mang dấu ấn cá nhân và ứng dụng vào giải quyết nhiều hiện tượng văn học ở Việt Nam. Trần Đình Sử đã tiếp thu các luận điểm của Bakhtin về con người, không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật trong tiểu thuyết của Dostoevski; luận điểm của Likhachev về con người, thời gian nghệ thuật, không gian nghệ thuật trong văn học cổ Nga.

Qua những công trình thi pháp học của Trần Đình Sử như *Thi pháp thơ Tố Hữu* (1985 - 1987); *Thi pháp Truyện Kiều* (1981 - 2002); *Thi pháp văn học trung đại Việt Nam* (1998)... có thể nhận thấy ông không đi theo xu hướng thi pháp học thể loại, thi pháp học cấu trúc mà nghiên

cứu thi pháp học như những nguyên tắc, phương thức, hình thức tổ chức tác phẩm văn học với tư cách là thế giới nghệ thuật phân biệt với thế giới thực tại. Trần Đình Sử đề ra mô hình: chỉnh thể thế giới nghệ thuật với quan niệm nghệ thuật về con người, không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật, cốt truyện nghệ thuật, điểm nhìn trần thuật, phương thức lời văn nghệ thuật... Những yếu tố này cần được khảo sát trong cái nhìn hệ thống, được đặt trong cá tính sáng tạo của nhà văn mặt khác đặt trong dòng chảy của lịch sử. Nói cách khác, qua cách nghiên cứu thi pháp học có thể thấy Trần Đình Sử luôn chú ý đến tính hệ thống và tính lịch sử của hình thức nghệ thuật. Bên cạnh đó, Trần Đình Sử cũng cho thấy người nghiên cứu thi pháp học cần làm rõ khi nghiên cứu hình thức nghệ thuật của tác phẩm chính là đi tìm được nguồn gốc tạo nên hình thức, giải thích cặn kẽ nghĩa được vì sao có hình thức nghệ thuật đó.

Những năm cuối thế kỉ XX đầu của thế kỉ XXI, Trần Đình Sử chủ trương mở rộng nghiên cứu thi pháp học sang lĩnh vực tự sự. Chuyên ngành tự sự học do ông khởi xướng đã có rất nhiều người tham gia nghiên cứu. Và hai cuộc hội thảo về tự sự học năm 2001 và 2007 do Trần Đình Sử chủ trì đã thu được thành công lớn.

Đỗ Lai Thúy gây tiếng vang với tập tiểu luận *Mắt thơ* (1992). Với công trình này, ông được gọi là nhà phê bình thi pháp học. Lấy thơ làm đối tượng nghiên cứu, thoát khỏi cách phê bình ẩn tượng, phê bình xã hội học truyền thống, Đỗ Lai Thúy đã sử dụng thi pháp học để nghiên cứu tám nhà thơ Mới và đã mang đến những phát hiện thú vị, giàu sức thuyết phục. Đỗ Lai Thúy tập trung phát hiện những “con mắt thơ” được tạo nên từ những sáng tạo độc đáo, mang tính “lệch chuẩn” trong hệ thống ngôn ngữ văn bản tác phẩm thơ. Những “con mắt thơ” đó đôi khi là những từ chìa khoá trong một thi phẩm. Nhưng đôi khi “con mắt thơ” lại không thể hiện rõ rệt mà nằm tản mát đâu đó trong bài thơ mà muốn phát hiện được nhà phê bình phải sử dụng trực giác. Đó cũng chính là mã số của thơ. “Mã số của thơ chỉ có thể cất giấu trong và bằng ngôn ngữ”.

Trong lĩnh vực văn học dân gian, nhà nghiên cứu Nguyễn Xuân Kính đã có những ứng dụng lí thuyết thi pháp học mà ông tiếp thu từ thi pháp học Nga vào việc khám phá các giá trị nghệ thuật của ca dao. Trong công trình *Thi pháp ca dao* (1993) Nguyễn Xuân Kính nghiên cứu các yếu tố nghệ thuật của ca dao, từ ngôn ngữ, thể thơ, không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật, biểu tượng, hình ảnh. Đây là một công trình nghiên cứu điển hình về thi pháp một thể loại văn học dân gian.

2.1.3. Bên cạnh đó, còn khá nhiều nhà nghiên cứu đã góp phần giới thiệu, phổ biến thi pháp học ở Việt Nam, như: Nguyễn Hải Hà, Cao Xuân Hạo, Lại Nguyên Ân, Phạm Vĩnh Cư, Hoàng Tiến Tự, Đỗ Bình Trị, Phan Đăng Nhật, La Khắc Hoà, Nguyễn Đăng Mạnh, Phạm Luận, Nguyễn Đăng Na, Đặng Anh Đào, Phùng Văn Tửu, Nguyễn Văn Long, Trịnh Bá Đĩnh, Nguyễn Tri Niên, Lê Ngọc Trà, Vương Trí Nhàn, Chu Xuân Diên, Nguyễn Kim Đính, Phan Đăng Nhật, Huỳnh Như Phương, Bùi Mạnh Nhị...

2.1.4. Đến những năm 90 thi pháp học đã trở thành một phương pháp nghiên cứu văn học chiếm vai trò chủ đạo trong đời sống văn học Việt Nam. Thi pháp học đã làm thay đổi không khí, diện mạo của đời sống nghiên cứu phê bình văn học Việt Nam thời kì Đổi mới. Với những công trình nghiên cứu mang tính chất tiên phong như đã kể ở trên, đồng đảo các nhà nghiên cứu đã nhận ra được tính ưu việt, khả năng mạnh mẽ của thi pháp học trong việc giải quyết những vấn đề, hiện tượng văn học. Lí thuyết thi pháp đã cung cấp cho người làm nghiên cứu phê bình một công cụ tư duy sắc bén, hiệu quả. Cùng với những công trình nghiên cứu lí thuyết, rất nhiều công trình ứng dụng lí thuyết thi pháp học vào giải quyết những hiện tượng văn học cụ thể. Dưới ánh sáng của lí thuyết thi pháp, rất nhiều tác phẩm, sự nghiệp, hiện tượng văn học đã được nhìn nhận, khám phá nhiều giá trị nghệ thuật vô cùng thú vị, thuyết phục. Nói cách khác, thi pháp học đã có một vai trò quan trọng trong đời sống nghiên cứu phê bình văn học Việt Nam thời kì Đổi mới. Thành tựu

của thi pháp học được khẳng định bằng số lượng và chất lượng những công trình thuộc về thi pháp học.

Dù đi theo các hướng tiếp cận khác nhau, nhưng các nhà nghiên cứu đều đi sâu vào thế giới nghệ thuật của các tác phẩm với các yếu tố nghệ thuật như không gian thời gian, ngôn ngữ, giọng điệu, kết cấu, cốt truyện... Sử dụng thi pháp học, các nhà nghiên cứu đã chỉ ra tính hệ thống của hình thức nghệ thuật và giải thích được lí do, sự tồn tại và phát huy ảnh hưởng của nó với thế giới nghệ thuật như thế nào. Các công trình nghiên cứu phê bình theo hướng thi pháp học thuộc nhiều lĩnh vực, từ văn học nước ngoài đến văn học dân gian, văn học trung đại, văn học cận đại và hiện đại. Dưới đây, chúng tôi xin điểm một số những công trình thuộc các lĩnh vực nghiên cứu khác nhau.

a. Công trình *Thi pháp tiểu thuyết L. Tônxtôi* (1992) của nhà nghiên cứu Nguyễn Hải Hà là một công trình đáng chú ý theo hướng thi pháp học nghiên cứu văn học nước ngoài.

Công trình *Thi pháp thơ Đường* (1995) của Nguyễn Thị Bích Hải là một cuốn sách được giới nghiên cứu đánh giá tốt. Sách bao gồm hai phần, phần một trình bày những tiền đề lịch sử và lí luận, phần hai bàn về thi pháp thơ Đường với 5 chương. Nguyễn Thị Bích Hải đã chỉ ra những nguyên nhân xã hội và thời đại, nguyên nhân tư tưởng và văn hoá tạo nên sự hưng thịnh của thơ Đường. Thi pháp thơ Đường được nghiên cứu và chỉ ra qua các yếu tố: quan niệm nghệ thuật về con người trong thơ Đường, không gian nghệ thuật trong thơ Đường, các thể thơ và ngôn ngữ thơ Đường. Những nghiên cứu của Nguyễn Thị Bích Hải đã nhìn nhận thơ Đường, một hiện tượng văn học trong một cái nhìn tổng thể, hệ thống, giúp người nghiên cứu có một cơ sở để hiểu về một thể loại thơ vẫn được xem là uyên bác và khó hiểu với bạn đọc Việt Nam.

Dùng thi pháp học để giải mã những hiện tượng văn học nước ngoài còn có Phan Thu Hiền với hai công trình *Sử thi Ấn Độ – Mahabharata* (1999) và *Thi pháp học cổ điển Ấn Độ* (2006). Trong *Sử thi Ấn Độ – Mahabharata*, với phương pháp nghiên cứu thi pháp học lịch sử và so sánh loại hình, Phan Thu Hiền đã chỉ ra những đặc trưng thi pháp của bộ sử thi nổi tiếng của văn học Ấn Độ trong những yếu tố nghệ thuật của tác phẩm là hệ thống nhân vật, không gian và thời gian, kết cấu. Phan Thu Hiền đã chỉ ra nét đặc sắc của sử thi Mahabharata so với các sử thi khác như bộ sử thi lớn thứ hai Ấn Độ sau Mahabharata là Ramayana cũng như các bộ sử thi phương Tây là Iliad và Odyssey, qua đó tác giả đánh giá sức hấp dẫn và đóng góp của sử thi Mahabharata đối với sử thi thế giới. Trên đà nghiên cứu đó, trong công trình *Thi pháp học cổ điển Ấn Độ*, Phan Thu Hiền đã có những nghiên cứu công phu nghiêm về lí thuyết thi pháp học cổ điển Ấn Độ. Trong công trình này, Phan Thu Hiền đã đặt sự phát triển của thi pháp học cổ điển Ấn Độ trong dòng chảy của thi pháp học Ấn Độ, từ đó chỉ ra các phương diện của thi pháp học cổ điển Ấn Độ theo thể loại: thi pháp kịch, thi pháp thơ,...

Giải mã văn học nước ngoài bằng lí thuyết thi pháp còn có thể nhắc đến công trình *Thi pháp tiểu thuyết và sáng tác của Ernest Hemingway* (2003) của Đào Ngọc Chương. Đây là một công trình công phu, đã tiếp cận và chỉ ra được những nét đặc sắc, hệ thống trong thi pháp tiểu thuyết của Hemingway.

b. Nghiên cứu thi pháp ca dao, tác giả Phạm Thu Yến có công trình *Những thế giới nghệ thuật ca dao* (1998). Đây là một cuốn sách được xuất bản dựa trên những bài viết mà tác giả đã từng công bố trên các tạp chí chuyên ngành hoặc trong các hội nghị khoa học. Một mặt tác giả thực hiện theo đúng những phương pháp nghiên cứu folklore, mặt khác vận dụng phạm trù thế giới nghệ thuật của thi pháp học để làm rõ những yếu tố nghệ thuật của ca dao: kết cấu, ngôn ngữ, những phương tiện biểu hiện. Công trình của Phạm Thu Yến còn đi vào một số tiểu loại ca dao chưa được các nhà nghiên cứu chú ý, sự kế thừa ca dao trong thơ hiện đại.

Cũng trong lĩnh vực văn học dân gian, tác giả Đỗ Bình Trị có công trình *Những đặc điểm thi pháp của các thể loại văn học dân gian* (1999). Trong cuốn sách này, tác giả Đỗ Bình Trị đã chỉ ra những đặc điểm thi pháp của các thể loại văn học dân gian: truyện cổ tích, truyền thuyết lịch sử, truyện ngụ ngôn, truyện cười, tục ngữ, câu đố, ca dao.

Dùng thi pháp nghiên cứu văn học dân gian còn có công trình *Thi pháp văn học dân gian* (2000) của Lê Trường Phát. Công trình được mở đầu bởi những vấn đề chung của thi pháp học. Phần sau của công trình, Lê Trường Phát đã có những nghiên cứu công phu về thi pháp các thể loại văn học dân gian: thi pháp của truyền thuyết lịch sử; thi pháp truyện cổ tích; thi pháp truyện ngụ ngôn; thi pháp tục ngữ; thi pháp ca dao. Phần cuối tác giả chỉ ra thi pháp một số tác phẩm văn học dân gian cụ thể.

Nghiên cứu thi pháp văn học dân gian còn có các công trình: *Tìm hiểu thi pháp tục ngữ Việt Nam* (1999) của Phan Thị Đào, *Những vấn đề thi pháp văn học dân gian* (2003) của Nguyễn Xuân Đức, *Truyện thơ Tây - nguồn gốc, quá trình phát triển và thi pháp thể loại* (2004) của Vũ Anh Tuấn, *Thi pháp học với sử thi* (2005) của Phan Đăng Nhật, *Tính hai mặt của không gian nghệ thuật trong truyện cổ tích* (2005) của Nguyễn Việt Hùng.

c. Tác giả Phan Diễm Phương với *Lục bát và song thất lục bát - Lịch sử phát triển, đặc trưng thể loại* (1998) là một công trình nghiên cứu công phu về thi pháp hai thể thơ: lục bát và song thất lục bát. Trong công trình này tác giả đã giải quyết các vấn đề: sự phát triển của cấu trúc âm luật của hai thể thơ lục bát và song thất lục bát; giải thích về ngọn nguồn dân tộc của hai thể thơ; sự phát triển về chức năng biểu đạt của hai thể thơ, hai thể thơ trong thơ ca hiện đại.

Công trình *Thi pháp cốt truyện truyện thơ Nôm và Truyện Kiều* (2009) của Nguyễn Thị Nhân khảo sát các truyện thơ Nôm đã được phiên âm quốc ngữ hiện đại và một số truyện thơ viết bằng quốc ngữ hiện đại cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX nhưng có cùng đặc điểm thi pháp truyện thơ Nôm. Tác giả nghiên cứu thi pháp cốt truyện trong mối quan hệ giữa nội dung và hình thức tác phẩm văn học. Công trình đã khảo sát, làm rõ các dạng thức kết cấu cốt truyện, đặc biệt là các dạng thức các nhà nghiên cứu chưa quan tâm nhiều, lí giải vì sao có những loại hình cốt truyện đó và ý nghĩa trong việc thể hiện chủ đề, hệ thống nhân vật, không gian, thời gian.

d. Công trình *Thơ trữ tình Việt Nam (1975 - 1990)* (1998) của Lê Lưu Oanh cũng xuất phát từ lí thuyết thi pháp tập trung giải quyết vấn đề tính chủ quan trong thể loại trữ tình và sự chi phối của tính chủ quan với việc tạo dựng thế giới nghệ thuật của tác phẩm trữ tình. Từ cơ sở lí luận đó, công trình đã phân tích, phân loại các mô típ trữ tình, khái quát các kiểu nhà thơ (cái tôi trữ tình) và sự vận động thay thế các kiểu cái tôi trữ tình đó, từ cái tôi sử thi, cái tôi thế sự đời tư, cái tôi hiện đại hoá... Công trình khái quát những tìm tòi đổi mới của giai đoạn thơ ca này, đó là sự đổi mới về phương thức phản ánh của thể loại trường ca, sự tái xuất của hình thức thơ ngắn, các hình ảnh biểu trưng...

Tiếp tục đi sâu vào lĩnh vực thơ ca hiện đại, tác giả Vũ Văn Sỹ có chuyên luận *Về một đặc trưng thi pháp thơ Việt Nam 1945 – 1995: sự mở rộng chức năng xã hội – thẩm mĩ của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình* (1999). Yếu tố tự sự trong thơ dù không phải là yếu tố chủ đạo nhưng vẫn chiếm một vai trò quan trọng trong việc thể hiện tư tưởng cảm xúc, đã được Vũ Văn Sỹ làm rõ như một yếu tố nghệ thuật tạo nên đặc trưng của thơ ca Việt Nam hiện đại.

Cũng trong lĩnh vực thơ, tác giả Nguyễn Đăng Điệp có công trình *Giọng điệu trong thơ trữ tình* (2002). Đây là một công trình nghiên cứu một cách tập trung, hệ thống về một vấn đề phức tạp của thi pháp học, đó là vấn đề giọng điệu nghệ thuật. Trong công trình này, Nguyễn Đăng Điệp đã giải quyết các vấn đề cơ bản: giọng điệu như một hiện tượng nghệ thuật; các loại hình giọng điệu thơ; giọng điệu thời đại Thơ Mới; giọng điệu “tứ bất tử” Thơ Mới. Nguyễn Đăng Điệp đã thiết lập

một hệ thống khái niệm đầy đủ về giọng điệu, như ngữ điệu, nhịp điệu, nhạc điệu, tiết điệu. Tác giả còn so sánh làm rõ sự khác biệt giữa giọng điệu trong thơ và trong văn xuôi. Tác giả chuyên luận cũng khảo sát sự biến chuyển của giọng điệu thơ trong dòng chảy lịch sử, từ thơ ca trung đại đến thơ cận đại và hiện đại.

Về thi pháp thơ, Lê Quang Hưng có công trình *Thế giới nghệ thuật thơ Xuân Diệu thời kì trước 1975* (2002). Thế giới nghệ thuật là một phạm trù quan trọng của thi pháp học đã được Lê Quang Hưng vận dụng để giải quyết vấn đề trung tâm của công trình. Đây là lần đầu tiên thế giới nghệ thuật thơ Xuân Diệu được nghiên cứu như một chỉnh thể nghệ thuật. Về mặt lí thuyết, công trình là một gợi ý tốt cho phương pháp tiếp cận các thế giới nghệ thuật khác. Công trình cũng chỉ ra những đóng góp nghệ thuật của nhà thơ Xuân Diệu ở các phương diện: hình tượng cái tôi, hình tượng thế giới, tổ chức lời thơ.

Cũng đi vào nghiên cứu một nhà thơ thuộc phong trào Thơ Mới, Trần Khánh Thành có công trình *Thi pháp thơ Huy Cận* (2002). Ở đây, tác giả Trần Khánh Thành đã vận dụng lí thuyết thi pháp để nghiên cứu thế giới nghệ thuật thơ Huy Cận. Công trình đã có những phát hiện mới về cái tôi trữ tình vừa đối cực vừa phân hoá vừa chuyển hoá, vừa đa dạng vừa thống nhất trong thơ Huy Cận; chỉ ra quan niệm nghệ thuật độc đáo của Huy Cận, từ con người cô đơn giữa cõi người đến con người vượt thoát vào vũ trụ, từ con người làm chủ cuộc đời đến con người đến con người mang tâm vóc dân tộc, nhân loại; chỉ ra những nét độc đáo trong không gian nghệ thuật thơ Huy Cận - không gian vũ trụ, không gian và thời gian chuyển hoá trong thơ Huy Cận,...

Tiếp mạch nghiên cứu về các đỉnh cao Thơ Mới, tác giả Hồ Thế Hà với công trình *Thế giới nghệ thuật thơ Chế Lan Viên* (2004) bao quát sự nghiệp thơ ca của Chế Lan Viên từ khi ra tập *Đieu tàn* đến tập *Di cảo thơ*. Hồ Thế Hà đã đặt sáng tác thơ của Chế Lan Viên trong dòng chảy của thơ ca hiện đại Việt Nam để phát hiện, lí giải các vấn đề một cách thấu đáo. Theo nguyên lí, quy trình nghiên cứu của thi pháp học, công trình của Hồ Thế Hà bắt đầu từ việc nắm bắt quan niệm nghệ thuật của Chế Lan Viên đến việc nắm bắt tính triết lí trong thơ Chế Lan Viên, không gian nghệ thuật và thời gian nghệ thuật, cuối cùng là phương thức thể hiện. Đó là những phương thức độc đáo như luôn dùng biện pháp đối lập, so sánh nhiều kiểu nhiều cấp, ẩn dụ, hoán dụ tạo biểu trưng. Thơ Chế Lan Viên gợi cho người đọc nhiều suy nghĩ, nâng họ lên tầm đồng sáng tạo. Về mặt thể thơ, nếu như Nguyễn Bính thành công ở thể lục bát, Xuân Quỳnh ở thơ 8 chữ, Tố Hữu ở các thể thơ dân tộc thì Chế Lan Viên thành công ở thơ tự do và thơ tứ tuyệt. Nói tóm lại, Hồ Thế Hà đã phác dựng những đường nét cơ bản về thế giới nghệ thuật thơ Chế Lan Viên với nhiều sự độc đáo.

e. Công trình *Quan niệm con người trong tiểu thuyết Tự lực văn đoàn* (1997) của tác giả Lê Dục Tú giải quyết ba vấn đề cơ bản của thi pháp tiểu thuyết tự lực văn đoàn: con người cá nhân, thế giới nội tâm, vẻ đẹp thể chất. Lê Dục Tú đã xem xét tiểu thuyết tiểu thuyết Tự lực văn đoàn như một chỉnh thể nghệ thuật ở cấp độ trên tác phẩm và trên phong cách cá nhân. Từ quan điểm đó, tác giả đã đi vào phân tích tiểu thuyết của các nhà văn tiêu biểu như Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo qua các góc độ nghệ thuật, triết học và mỹ học trong cái nhìn thống nhất là quan niệm về con người. Qua đó, công trình đã đánh giá những điểm đóng góp và hạn chế của các nhà văn Tự lực văn đoàn đối với tiền trình văn học và vị trí của họ trong lịch sử văn học Việt Nam.

Tìm hiểu thi pháp truyện ngắn từ góc độ quan niệm nghệ thuật về con người có công trình *Con người trong truyện ngắn Việt Nam 1945 – 1975* (1998) của Phùng Ngọc Kiếm. Công trình này đã xuất phát từ phạm trù quan niệm nghệ thuật của thi pháp học đã được các nhà nghiên cứu Bakhtin, Likhachev, Khrapchenko đề cập trong các công trình của họ cũng như đã kế thừa những nghiên cứu về quan niệm con người trong công trình của những nhà nghiên cứu Việt Nam như Đỗ Đức Hiểu, Hoàng Trinh, Trần Đình Sử, Lại Nguyên Ân... để nghiên cứu con người trong truyện ngắn Việt Nam 30 năm sau Cách mạng tháng Tám. Phùng Ngọc Kiếm đã chỉ ra quan niệm nghệ

thuật về con người trong truyện ngắn thời kì này và giải thích nó từ ngọn nguồn ý thức xã hội đến các biểu hiện trong tác phẩm của nhà văn. Phùng Ngọc Kiếm cho rằng cần phân biệt khái niệm quan niệm nghệ thuật với ý thức chính trị - xã hội. Công trình cũng chỉ ra các loại hình nhân vật, các phương thức phương tiện thể hiện quan niệm nghệ thuật.

Tác giả Trần Đăng Suyền với công trình *Chủ nghĩa hiện thực Nam Cao* (2001) đã vận dụng nhiều điểm cốt yếu trong lí thuyết thi pháp học nghiên cứu những vấn đề nghệ thuật trong tác phẩm của Nam Cao một cách toàn diện và hệ thống, từ quan điểm nghệ thuật đến cốt truyện, kết cấu, các kiểu xung đột; từ thời gian và không gian nghệ thuật đến thế giới nhân vật và nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật và nghệ thuật trần thuật... Trần Đăng Suyền cho rằng, Nam Cao là một nhà văn có ý thức tự giác sớm nhất và sâu sắc nhất về sứ mệnh của văn học đối với con người, cuộc sống. Nam Cao là nhà văn hiện thực kiểu mới, ông không chỉ phản ánh thực trạng hiện thực mà còn đi sâu mổ xẻ truy tìm nguyên nhân tạo nên hiện thực đó. Nam Cao cũng là một nhà văn hiện thực tâm lí. Đó là những tiền đề đã tạo nên nhiều cách tân độc đáo về các yếu tố nghệ thuật trong tác phẩm của Nam Cao, tạo nên một “chủ nghĩa hiện thực Nam Cao” trong văn học Việt Nam hiện đại.

Tác giả Phạm Mạnh Hùng với công trình *Thi pháp hoàn cảnh trong tác phẩm của Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao* (2001) đã nghiên cứu yếu tố nghệ thuật “hoàn cảnh” trong tác phẩm của một số nhà văn hiện thực phê phán để từ đó làm sáng rõ vấn đề thi pháp hoàn cảnh, làm cơ sở tiếp tục nghiên cứu văn học hiện thực phê phán ở các phương diện khác. Trong văn học hiện thực phê phán, yếu tố hoàn cảnh luôn có vai trò quyết định tính cách nhân vật, vì thế ở đây Phạm Mạnh Hùng đã đi sâu nghiên cứu hoàn cảnh với: khái niệm hoàn cảnh và quan niệm nghệ thuật về hoàn cảnh trong tác phẩm văn học hiện thực phê phán, quan niệm nghệ thuật về hoàn cảnh trong tác phẩm *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố, *Giông tố* của Vũ Trọng Phụng và một số truyện ngắn của Nam Cao. Đây là lần đầu tiên vấn đề thi pháp hoàn cảnh được đặt ra và nghiên cứu một cách hệ thống trong văn học hiện thực phê phán. Qua đó, công trình đã khẳng định những đóng góp nghệ thuật của các nhà văn hiện thực phê phán đối với việc xây dựng hoàn cảnh – một phương thức thể hiện con người khá mới trong văn học Việt Nam.

Các tác giả Trần Đình Sử, Nguyễn Thanh Tú năm 2001 cho ra mắt độc giả công trình bàn về thi pháp truyện ngắn Nguyễn Công Hoan: *Thi pháp truyện ngắn trào phúng Nguyễn Công Hoan*. Vận dụng lí thuyết thi pháp học, công trình đã xem xét hệ thống truyện ngắn trào phúng Nguyễn Công Hoan như một chỉnh thể nghệ thuật. Từ việc tìm hiểu quan niệm nghệ thuật về con người và cuộc đời, công trình đã chỉ ra hình thức biểu hiện qua các yếu tố cốt truyện, kết cấu, trần thuật, lời văn... Nhìn chung, những gì tạo nên sự đặc sắc trong truyện trào phúng của Nguyễn Công Hoan đã được tác giả mổ xẻ, phân tích, lí giải hết sức thú vị.

f. Nghiên cứu phê bình văn học theo hướng thi pháp học còn có thể kể đến các tác giả: Phan Huy Dũng, Bửu Nam, Trần Thị An, Chu Văn Sơn, Nguyễn Thành Thi, Lê Tiến Dũng, Trần Lê Bảo, Lê Thu Yến, Đỗ Hồng Kỳ, Hà Thị Hoà, Nguyễn Ái Học, Đinh Trí Dũng, Nguyễn Khắc Sính, Hoàng Mạnh Hùng, Đào Duy Hiệp, Biện Minh Điền, Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Hoài Thanh, Trương Xuân Tiểu, Nguyễn Thị Mai Chanh, Nguyễn Thị Nương, Lê Thị Hương, Bùi Thanh Huyền, Nguyễn Sĩ Đại, Nguyễn Thị Tuyết Nga,...

3. Kết luận

Bên cạnh những điểm mạnh đáng ghi nhận như ở trên, thi pháp học ở Việt Nam và sự tác động của thi pháp học tới nghiên cứu, phê bình văn học cũng có những điểm yếu nhất định. Mặc dù đã đạt được những thành tựu trong nghiên cứu lí thuyết và ứng dụng vào thực tiễn, tuy nhiên thi pháp học ở Việt Nam vẫn chưa đạt được sự đa dạng về cách tiếp cận. Lí thuyết về thi pháp học cần

được nghiên cứu sâu hơn, cập nhật hơn với các thành tựu nghiên cứu trên thế giới. Các trường phái thi pháp học ở Việt Nam chưa được thể hiện rõ nét. Nhiều công trình nghiên cứu phê bình văn học ứng dụng thi pháp học còn rơi vào tình trạng sử dụng lí thuyết một cách máy móc, khiên cưỡng. Nhiều công trình nghiên cứu dù mang hình thức thi pháp học nhưng thực chất chưa hiểu đúng bản chất thi pháp học. Để thi pháp học tiếp tục phát triển về mặt lí thuyết cũng như ứng dụng, giới nghiên cứu phê bình văn học Việt Nam cần phải nhận định rõ hơn phương hướng và triển vọng của thi pháp học trong tương lai; phác dựng được một “kế hoạch” bài bản với các điều kiện hiện thực hoá kế hoạch đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] M. Bakhtin, 1992. *Lí luận và thi pháp tiểu thuyết* (Phạm Vĩnh Cư dịch và giới thiệu). Nxb Văn học và Trường viết văn Nguyễn Du, Hà Nội.
- [2] M. Bakhtin, 1993. *Những vấn đề thi pháp Dostoievski* (Trần Đình Sử, Lại Nguyên Ân, Vương Trí Nhàn dịch). Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Văn Dân, 2004. *Phương pháp luận nghiên cứu văn học*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Đăng Điệp, Nguyễn Văn Tùng tuyển chọn và biên soạn, 2010. *Thi pháp học ở Việt Nam*. Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [5] Đỗ Đức Hiểu, 2000. *Đổi mới phê bình văn học*. Nxb Khoa học Xã hội, Nxb Mũi Cà Mau.
- [6] Đỗ Đức Hiểu, 2000. *Thi pháp hiện đại*. Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
- [7] Phan Ngọc, 1985. *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [8] Trần Đình Sử, 1993. *Một số vấn đề thi pháp học hiện đại*. Vụ Giáo viên xb, Hà Nội.
- [9] Trần Đình Sử, 1995. *Những thế giới nghệ thuật thơ*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [10] Trần Đình Sử, 1996. *Lí luận và phê bình văn học*. Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
- [11] Trần Đình Sử, 1998. *Thi pháp văn học trung đại Việt Nam*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [12] Trần Đình Sử, 1998. *Dẫn luận thi pháp học*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [13] Trần Đình Sử, 2002. *Thi pháp Truyện Kiều*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.

ABSTRACT

Poetics Innovation period: from theory to application

Nguyen Van Tung

Vietnam Education Publishing House

Poetics is a literary research branch has many improvements, had been developed in many countries around the world since the early twentieth century. However, in the Vietnam to Innovation period, poetics have been developed. Many research works receptive elite and develop poetics theory was born. The first authors in the development of poetics theory: Phan Ngọc, Nguyen Phan Canh, Nguyen Tai Can, Hoang Trinh, Do Duc Hieu, Tran Dinh Su, La Nguyen, Do Lai Thuy ... Along with the works theoretically, a lot of successful application works poetics theory in addressing the specific literary phenomenon. Poetics has become a prominent research in literary life Innovation period in Vietnam.

Keywords: Poetics, Innovation period, poetics theory, poetics application, research research.